

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8068**/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày **29** tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
(Tài liệu phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2023)

Kính gửi: Chính phủ



Căn cứ Chương trình Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) như sau:

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nhìn chung, sau 21 tháng thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ, các Bộ, cơ quan, địa phương đã chủ động, nỗ lực xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình. Đến nay, đã triển khai, hoàn thành khối lượng lớn công việc, xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện, cơ bản phù hợp với tình hình triển khai thực tế. Giải ngân các chính sách thuộc Chương trình cũng đạt kết quả đáng ghi nhận, một số chính sách đạt kết quả giải ngân cao, kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi.

Tuy nhiên, tình hình triển khai một số chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đã hết thời gian thực hiện, một số chính sách có kết quả thực hiện còn hạn chế, chưa đạt yêu cầu đề ra. Đồng thời, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình còn thấp so với kế hoạch được giao trong khi thời gian còn lại để thực hiện Chương trình không còn nhiều (chỉ còn 03 tháng). Do đó, các cấp, các ngành cần nhanh chóng đẩy nhanh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong thời gian còn lại của Chương trình, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình, điều chỉnh giữa kế hoạch vốn của Chương trình và Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 để đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn Chương trình nhằm phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực đã được Quốc hội quyết nghị.

1. Tình hình thực hiện, giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình

Thống kê sơ bộ, ước giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình đến nay đạt hơn **95,7 nghìn tỷ đồng**, cụ thể như sau:

a) Đối với các chính sách thực hiện thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội:

(i) Đến ngày 24/9/2023, Ngân hàng Chính sách xã hội ước giải ngân 5/5 chương trình tín dụng chính sách của Chương trình đạt **21.019 tỷ đồng**, trong đó: Cho vay mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến đạt 834 tỷ đồng cho hơn 89 nghìn khách hàng, cho vay nhà ở xã hội đạt 8.087 tỷ đồng cho hơn 21,6 nghìn khách hàng, cho vay hỗ trợ việc làm đạt 10 nghìn tỷ đồng cho hơn 211 nghìn khách hàng vay vốn tạo việc làm, cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đạt 151 tỷ đồng cho hơn 2,6 nghìn cơ sở giáo dục, cho vay Chương trình đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 1.946 tỷ đồng cho gần 40 nghìn khách hàng.

(ii) Ngân hàng Chính sách xã hội đã hỗ trợ lãi suất cho vay cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác đối với khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm là **2.623 tỷ đồng**.

b) Đối với chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động: Đến nay đã hết thời hạn thực hiện chính sách, theo báo cáo của Bộ Tài chính đã thực hiện giải ngân khoảng **3.679,3 tỷ đồng** hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg.

c) Đối với chính sách hỗ trợ 2% lãi suất cho các khoản vay thông qua ngân hàng thương mại của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo đến hết tháng 8/2023, các ngân hàng thương mại đã thực hiện hỗ trợ lãi suất khoảng **781 tỷ đồng**, doanh số hỗ trợ lãi suất đạt hơn 169.000 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt gần 57.000 tỷ đồng cho hơn 2.100 khách hàng.

d) Đối với các chính sách miễn giảm thuế, phí; gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất:

(i) Đã miễn, giảm các loại thuế, phí là **60.243 tỷ đồng**, trong đó:

- Giảm 2% mức thuế suất giá trị gia tăng đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%) theo Nghị định số

15/2022/NĐ-CP đạt 44.458 tỷ đồng¹ (giảm thuế giá trị gia tăng sản xuất kinh doanh trong nước là khoảng 25.200 tỷ đồng, giảm thuế giá trị gia tăng trong xuất, nhập khẩu khoảng 19.258 tỷ đồng), bằng 90% dự kiến khi xây dựng Chương trình (49.400 tỷ đồng).

- Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay theo Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021 đạt 2.383 tỷ đồng, bằng 158,8% dự kiến khi xây dựng Chương trình (1.500 tỷ đồng).

- Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP đạt 7.987 tỷ đồng, bằng 109,2% dự kiến khi xây dựng Chương trình (7.314 tỷ đồng).

- Giảm thuế suất thuế xuất nhập khẩu trong năm 2022 đối với nhiều nhóm mặt hàng theo Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ khoảng 2.123 tỷ đồng.

- Giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Thông tư số 120/2021/TTBTC ngày 24/12/2021 quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khoảng 117 tỷ đồng.

- Đối với việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023: Theo báo cáo của Bộ Tài chính, đã thực hiện đến tháng 7/2023 đạt 3.176 tỷ đồng.

Hiện nay, các chính sách miễn, giảm các loại thuế, phí, lệ phí trong phạm vi Chương trình đã hết thời hạn thực hiện.

(ii) Đã gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất theo các nghị định của Chính phủ là 110.919 tỷ đồng². Chi phí cơ hội hỗ trợ thông qua các chính sách gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất là **7,4 nghìn tỷ đồng** (theo số liệu báo cáo từ tháng 6/2022).

2. Tình hình phân bổ vốn chi đầu tư phát triển thuộc Chương trình

a) Về số vốn đã giao kế hoạch cho các nhiệm vụ, dự án của Chương trình

¹ Giảm thu NSNN năm 2022 là 41.498 tỷ đồng, giảm thu NSNN tháng 1/2023 là 2.960 tỷ đồng.

² Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất là 101.068 tỷ đồng, gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước là 9.603 tỷ đồng.

Tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và phân bổ vốn, các cơ chế đặc thù áp dụng cho dự án đầu tư công thuộc Chương trình và một số nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư phát triển; tăng chi từ nguồn NSNN tối đa **176 nghìn tỷ đồng** với thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023 để hỗ trợ, đầu tư các nhiệm vụ, dự án trong từng ngành, lĩnh vực gồm: (i) Y tế: 14 nghìn tỷ đồng; (ii) An sinh xã hội, lao động, việc làm: 8,15 nghìn tỷ đồng, (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh 40 nghìn tỷ đồng, cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng và (iv) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng 113,55 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, giao Chính phủ căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết, khẩn trương rà soát, hoàn thiện danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn của Chương trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi phân bổ vốn³.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bao gồm:

+ Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 giao **147.138 tỷ đồng** kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình;

+ Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 giao **14.710,315 tỷ đồng** kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình;

+ Thực hiện Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong đó giao số vốn **13.369,468 tỷ đồng** cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện.

Như vậy, Thủ tướng Chính phủ đã giao tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là **175.217,783 tỷ đồng**. Đối với số vốn **782,217 tỷ đồng** còn lại: (i) **273 tỷ đồng** dự kiến bố trí cho Dự án Dự án đầu tư hạ tầng ổn định đời sống nhân dân của xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải sẽ được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến khi Dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư; (ii) **509,217 tỷ đồng** không tiếp tục phân bổ theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 93/2023/QH15.

- Đối với kế hoạch năm 2022, ngày 12/10/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1198/QĐ-TTg về giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

³ Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

đầu tư vốn NSTW năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, theo đó đã giao tổng số vốn 38.155 tỷ đồng từ nguồn vốn của Chương trình cho 04 nhiệm vụ thuộc Chương trình và 254 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- *Đối với kế hoạch năm 2023*, căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023, căn cứ số liệu báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã phân bổ chi tiết kế hoạch vốn của Chương trình cho các nhiệm vụ, dự án là 115.761,062 tỷ đồng, trong đó phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình là 104.698,866 tỷ đồng, phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 11.062,196 tỷ đồng.

c) Về kế hoạch vốn đã giải ngân của Chương trình

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 của Chương trình đến ngày 30/9/2023 đạt khoảng **49.740,216 tỷ đồng**.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo một số khó khăn, vướng mắc trong triển khai Chương trình như sau:

1. Việc triển khai chính sách hỗ trợ 2% lãi suất

Tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Quốc hội đã quyết nghị sử dụng tối đa **40 nghìn tỷ đồng** từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ lãi suất (2%/năm) cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thông qua hệ thống ngân hàng thương mại. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến hết tháng 8/2023 thực hiện chính sách hỗ trợ 2% lãi suất rất chậm so với yêu cầu đề ra, mới đạt khoảng **781 tỷ đồng**, tương đương **1,95% tổng nguồn lực**. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm:

- Khách hàng đủ điều kiện nhưng lựa chọn không thụ hưởng chính sách, chủ yếu do tâm lý e ngại công tác thanh tra, kiểm tra (đặc biệt là doanh nghiệp), cân nhắc giữa lợi ích từ việc được hỗ trợ lãi suất và chi phí phát sinh nếu nhận hỗ trợ lãi suất (phải theo dõi hồ sơ, chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Đồng thời, khách hàng có tâm lý lo ngại trường hợp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định phải thu hồi số tiền hỗ trợ lãi suất do số tiền này đã được hạch toán vào lợi nhuận doanh nghiệp và chia cổ tức cho cổ đông.

- Khó khăn trong việc xác định đối tượng khách hàng thuộc diện “có khả năng phục hồi” theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15. Khách hàng mặc dù có khả năng trả nợ nhưng cũng không thể khẳng định có khả năng phục hồi (thường thể hiện thông qua các tiêu chí định lượng như doanh thu/sản lượng/lợi nhuận tăng hoặc các tiêu chí định tính như diễn biến, chiều hướng kinh doanh). Trường hợp khách hàng được hỗ trợ lãi suất nhưng tình hình sản xuất kinh doanh suy giảm, ảnh hưởng đến các tiêu chí nêu trên làm cho ngân hàng thương mại và khách hàng e ngại bị các cơ quan thanh tra, kiểm tra đánh giá trực lợi chính sách. Ngoài ra, một số khách hàng có doanh thu/lợi nhuận trong giai đoạn dịch bệnh cao hơn hiện tại nên khó để đánh giá việc đáp ứng tiêu chí “phục hồi”.

- Trong thời gian đầu triển khai chính sách (năm 2022), tình hình kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các đối tượng ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất nói riêng có nhiều chuyển biến so với thời điểm ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường sau dịch Covid-19 dẫn đến nhu cầu được hỗ trợ có thể thay đổi so với thời điểm ban hành chính sách (thay vì nhu cầu hỗ trợ lãi suất thì có nhu cầu được hỗ trợ trực tiếp hoặc giảm thuế, phí, lệ phí).

- Nhiều hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay vốn tại các ngân hàng thương mại, tuy nhiên không đăng ký hộ kinh doanh nên không thuộc đối tượng hỗ trợ.

- Một số khách hàng có năng lực tài chính, lịch sử tín dụng tốt, được ngân hàng thương mại cho vay với lãi suất ưu đãi nên lựa chọn không thụ hưởng chính sách do tự đánh giá đã được cho vay với lãi suất phù hợp theo các chương trình ưu đãi của ngân hàng thương mại.

- Một số nguyên nhân khác bao gồm: Khách hàng xuất khẩu lựa chọn vay bằng đô la Mỹ để tận dụng lợi thế về lãi suất và nguồn thu bằng ngoại tệ nên không thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất, một số khách hàng đã được hỗ trợ theo các chương trình tín dụng của ngân sách địa phương, khó khăn trong bóc tách chi phí vay vốn đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, một số khách hàng có dư nợ hiện hữu thuộc ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất nhưng quá hạn nên tạm thời chưa được xem xét hỗ trợ lãi suất theo quy định.

Tại Báo cáo số 432/BC-CP, Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đề báo cáo Quốc hội:

- Cho phép tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh như đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 43/2022/QH15. Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chính sách với quyết tâm cao nhất, tiếp tục truyền thông, tuyên truyền đầy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất để tạo điều kiện thụ hưởng chính sách cho các đối tượng quan tâm. Đồng thời, khuyến khích các ngân hàng thương mại dành nguồn lực để hỗ trợ giảm lãi suất cho khách hàng, góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ.

- Đối với số vốn không giải ngân hết của chính sách sau khi kết thúc thời gian giải ngân kế hoạch năm 2022 và năm 2023, trình Quốc hội hủy dự toán, kế hoạch vốn, không huy động nguồn lực (dự kiến khoảng 38.592 tỷ đồng), đồng thời không làm tăng bội chi tương ứng.

2. Về nguồn lực triển khai các chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, qua rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn năm 2023 từ các địa phương thì 04 chương trình cho vay ưu đãi: (i) Cho vay nhà ở chính sách xã hội; (ii) Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến; (iii) Cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; (iv) Cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có, tổng nhu cầu vay vốn khoảng 6.276 tỷ đồng/kế hoạch 22.376 tỷ đồng. Dự kiến dư nợ của 04 chương trình cho vay đến hết năm 2023 là 12.300 tỷ đồng/tổng số 28.400 tỷ đồng được bố trí, kế hoạch nguồn vốn không sử dụng hết của 4/5 chương trình này khoảng 16.100 tỷ đồng.

Trong khi đó, nhu cầu vay vốn chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là rất lớn (79.040 tỷ đồng), tuy nhiên đã giải ngân hết kế hoạch trong năm 2022, có khả năng thực hiện tiếp nhưng không còn nguồn.

Tại Báo cáo số 432/BC-CP, Chính phủ đã kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh nguồn lực thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội (trong 38,4 nghìn tỷ đồng hạn mức bảo lãnh Chính phủ được Quốc hội quyết nghị) như sau:

- Giảm 16.100 tỷ đồng kế hoạch vốn bố trí để thực hiện 04 chính sách cho vay ưu đãi, trong đó: Giảm 6.000 tỷ đồng kế hoạch vốn thực hiện chính sách cho vay nhà ở chính sách xã hội; giảm 2.160 tỷ đồng kế hoạch vốn thực hiện chính sách cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến; giảm 6.700 tỷ đồng kế hoạch vốn thực hiện cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm 1.240 tỷ đồng cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập.

- Tăng 16.100 tỷ đồng kế hoạch vốn bố trí để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, nâng tổng số kế hoạch vốn bố trí để thực hiện chính sách này là 26.100 tỷ đồng.

3. Về giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình đến hết ngày 31/8/2023 đạt khoảng **49.740,216 tỷ đồng**, tức mới đạt khoảng 28,4% số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương (**175.217,783 tỷ đồng**). Tỷ lệ giải ngân đã có chuyển biến tích cực so với tháng 8/2023 (19,3%), tuy nhiên vẫn chưa được như kỳ vọng, đặc biệt trong bối cảnh phần lớn kế hoạch vốn của Chương trình (147.138 tỷ đồng) đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết từ tháng 9/2022 và Quốc hội đã cho phép áp dụng các chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của Chương trình, tạo áp lực giải ngân lớn đến hết kế hoạch năm 2023.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thời gian còn lại để thực hiện Chương trình chỉ còn 03 tháng, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách; theo dõi sát sao tình hình thực hiện, rà soát, nắm bắt khó khăn, vướng mắc, kịp thời tháo gỡ nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực trong thời gian còn lại của Chương trình. Theo đó, trình Chính phủ chỉ đạo:

1. Các thành viên Chính phủ trực tiếp giải trình, bổ sung thông tin, làm rõ các nội dung theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 đối với các chính sách do bộ, cơ quan mình phụ trách.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất, cho vay ưu đãi đến hết thời gian thực hiện Chương trình. Ngân hàng Chính sách xã hội chuẩn bị các điều kiện, thủ tục cần thiết để bảo đảm giải ngân hết số vốn **16.100 tỷ đồng** dự kiến điều chuyển để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc

làm, duy trì và mở rộng việc làm trong năm 2023.

3. Các bộ, cơ quan, địa phương đẩy mạnh thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư của Chương trình, điều chuyển giữa kế hoạch vốn của Chương trình và Kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN đoạn 2021-2025 được giao theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội nhằm giải ngân cao nhất kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2023.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg và các PTTg (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, Vụ TH *SA*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng